

Số: 09/2024/QĐST-KDTM

Nha Trang, ngày 19 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2024/TLST-KDTM ngày 31/01/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N1

Địa chỉ trụ sở chính: 201-203 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trần Quang N – Trưởng phòng doanh nghiệp. Theo văn bản ủy quyền số 1202/2023/UQ-NHNA-N.TRANG ngày 23/10/2023.

Địa chỉ: F Thái Nguyên, P, N, Khánh Hòa

* *Bị đơn:* Công ty TNHH T2

Địa chỉ trụ sở: Số A đường A Khu đô thị V, V, N, Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật: Bà Tôn Nữ Trâm A – Giám đốc.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Tôn Nữ Trâm A – sinh năm 1979

Địa chỉ: Số A đường A Khu đô thị V, V, N, Khánh Hòa.

- Ông Lê Đức T1 – sinh năm 1973

Địa chỉ: C, S, D, Khánh Hòa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về xác nhận số nợ phải thanh toán:

Tính đến ngày 11/6/2024, Công ty TNHH T2 còn nợ Ngân hàng TMCP N1 số tiền tổng cộng là 9.519.489.011 đồng (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười một đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 8.000.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 413.479.451 đồng;

- + Phí chậm trả: 32.420.519 đồng;
- + Nợ lãi quá hạn 1.073.589.041 đồng.

2.2 Về phương thức thanh toán: Chậm nhất là ngày 31/10/2024, Công ty TNHH T2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 9.519.489.011 đồng (Chín tỷ năm trăm mười chín triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 11/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T2 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng vay đã được ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH T2 vi phạm thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP N1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp: Thửa đất số 01; tờ bản đồ số 2958/2011/TĐ.BĐ tại địa chỉ lô số A đường A, Khu đô thị V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU147977, số vào sổ cấp GCN: CH03377/22399 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 21/01/2015 đứng tên ông Lê Đức T1 và bà Tôn Nữ Trâm A.

Khi Công ty TNHH T2 đã thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP N1 thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU147977, số vào sổ cấp GCN: CH03377/22399 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 21/01/2015 (bản chính) cho ông T1 và bà A.

3. Về án phí: Công ty TNHH T2 chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 58.759.745 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu số 0001857 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang là 58.200.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 58.200.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP N1 đã nộp và không yêu cầu tòa án giải quyết.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THA DS Tp. Nha Trang;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Cát Hoàng Trân